TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Xuân và bà Đinh Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc *tham gia phiên toà:* Ông Bùi Văn Than - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX - ST ngày 23/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1991; có mặt.

Địa chỉ: Xóm L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1991; vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Xóm K, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Hạnh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 01/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh T sử dụng ma túy. Lúc đó chị mới sinh con nên ở nhà ngoại tại xóm Lũy Ải, xã Phong Phú. Chị và hai bên gia đình đã nhắc nhở, khuyên giải nhưng anh T vẫn chứng nào, tật ấy không thay đổi, vẫn sử dụng ma túy. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Đến khi làm đơn ly hôn, chị mới được biết là tháng 10/2020 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành xong án, anh T về địa phương nhưng vẫn không cai nghiện được.

Vợ chồng ly thân đã lâu, khó có thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 04/9/2016. Hiện nay, con chung đang ở với chị và học tiểu học tại xã Phong Phú. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Phần trình bày của bị đơn: Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn để viết bản tự khai, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, lấy lời khai và không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H. Xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 04/9/2016. Chị Đinh Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết hôn ngày 01/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chị Đinh Thị H và anh Bùi Văn Trình có một con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 04/9/2016.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ chị Đinh Thị H nộp tại Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Bùi Văn T, đăng ký ngày 01/01/2015 (Bản chính); giấy chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị Hạnh (bản sao); căn cước công dân mang tên Bùi Văn T (bản sao); giấy khai sinh của con Bùi Trọng H (bản sao) và bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn T; địa chỉ: Xóm Khiềng, xã Phú Cường, huyện Tân Lạc, Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án đã triệu tập đương sự, thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 01/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị H: Sau khi kết hôn, theo chị H thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh Trình sử dụng ma túy. Chị và hai bên gia đình đã nhắc nhở, khuyên giải nhưng anh T vẫn chứng nào, tật ấy không thay đổi, vẫn sử dụng ma túy. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Đến khi làm đơn ly hôn, chị mới được biết là tháng 10/2020, anh T bị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị H, anh T. Kết quả xác minh cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị H. Anh T sử dụng ma túy từ năm 2016. Tháng 10/2020, anh T bị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành xong án phạt tù, anh Trình trở về địa phương nhưng không cai nghiện được. Hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì đến nhau (Bút lục 38, 39). Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì hôn nhân chỉ làm khổ nhau. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Chị Đinh Thị H và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 04/9/2016. Hiện nay, con chung đang ở với chị Hạnh. Xét yêu cầu được nuôi con của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh T. Con chung của chị H, anh T đang sinh sống ổn định tại nhà chị H và học tập tại trường tiểu học và trung học cơ sở Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, anh T cũng ít thăm nom, quan tâm đến con chung và hỗ trợ kinh tế với chị Hạnh để nuôi con chung. Do vậy, đề nghị của chị H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho chị H được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Chị Đinh Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung.

[2.4] *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ chung.

[2.5] *Về án phí*: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đinh Thị H. Xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Trọng H, sinh ngày 04/9/2016. Chị Đinh Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn T việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đinh Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002801 ngày 14/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Doanh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Phú (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 01/01/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.